

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Hàn Quốc học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2022-2023**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
4	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
5	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Cộng	17	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
7	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
9	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
10	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
11	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Cộng	18	30

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
12	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
13	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
14	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6
15	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6
16	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
17-18		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
20	KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
21	KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	14	20

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
26	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
27	KOR3060	Dịch văn bản văn hóa Hàn Quốc	3	3
28	KOR3064	Xã hội Hàn Quốc hiện đại	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
31	KOR3043	Tìm hiểu làn sóng văn hóa Hàn Quốc - Hally	3	3
32	KOR3033	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	3	3
33	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng Ngôn ngữ & văn hóa

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)										
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8			2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2022-2023**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6
4	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
9	KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
13	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
14	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
19	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
20	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
21-22		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3

27	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn	3	3
28	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3

32	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3
33	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
34	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
35-36		Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHÍNH

Đơn vị: Khoa NN&VH Hàn Quốc

Ngành: Sư phạm Tiếng Hàn

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNHNăm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6
4	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6
5	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6
		Cộng	17	26

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
7	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
9	KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
10	KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
11	KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Cộng	18	30

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
12	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
13	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
14	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6
15	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6
16	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	PSF3007	Tâm lý học	3	3
20	KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
21	KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	17	23

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	PSF3008	Giáo dục học	3	3
26	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn	3	3
27	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
28		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
31	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
32	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3
33	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
34-35		Tự chọn khối IV.2.2	6	6

